TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Malaysia - bức tranh đa dạng của Phật giáo giữa lòng Đông Nam Á

ISSN: 2734-9195 14:55 06/07/2026

Trong bối cảnh chưa xuất hiện một nhân vật có tầm ảnh hưởng như Hòa thượng K. Sri Dhammananda để quy tụ và định hướng, khái niệm “Phật giáo Malaysia” ngày càng trở nên khó xác định, mặc dù các hoạt động Phật sự trong nước vẫn diễn ra rất sôi nổi.

Đông Nam Á có lẽ là nơi hội tụ rõ nét nhất của các tôn giáo và nền văn hóa tại châu Á. Khu vực này giữ vị trí đặc biệt quan trọng trong điều mà Giáo sư Richard K. Payne, Hiệu trưởng kiêm Giáo sư Yehan Numata về Nghiên cứu Phật giáo Nhật Bản tại Viện Nghiên cứu Phật học, Đại học UC Berkeley, gọi là “Buddhist Cosmopolis” (Thế giới Phật giáo liên thông) - một không gian văn minh rộng lớn được kết nối bởi các mạng lưới thực hành và truyền bá phật pháp.

Đông Nam Á là một mắt xích trọng yếu trong tiến trình lan tỏa của Phật giáo trên phạm vi toàn cầu.



Kek Lok Si ở Penang. Nguồn ảnh: khách sạn.burmahtel.com

Trong một thời gian dài, khu vực này chưa nhận được sự quan tâm tương xứng từ giới học thuật và truyền thông sử dụng tiếng Anh. Tuy nhiên, điều đó đã thay đổi đáng kể trong vài thập niên gần đây, đặc biệt cùng với sự gia tăng các **nghiên cứu** về **lịch sử** cũng như thực trạng Phật giáo tại Myanmar, Campuchia, Lào và Thái Lan. Những vấn đề liên quan đến Phật giáo Indonesia và lịch sử phát triển của quốc gia này cũng thường xuyên được Buddhistdoor Global (BDG) đề cập.

Trong bức tranh ấy, Liên bang Malaysia nổi lên như một trung tâm quan trọng của sự truyền bá phật pháp, đồng thời là không gian đa văn hóa và chung sống liên tôn giáo đã hình thành từ thời cổ đại.

Phật giáo du nhập vào vùng đất ngày nay là **Malaysia** từ thế kỷ III sau Công nguyên thông qua các tuyến thương mại hàng hải kết nối Ấn Độ, Sri Lanka và Đông Nam Á. Các phát hiện khảo cổ tại thung lũng Bujang (bang Kedah) xác nhận sự hiện diện của Phật giáo trong giai đoạn từ thế kỷ III đến V, với nhiều bia ký bằng tiếng Phạn (Sanskrit) và các pho tượng Phật được phát hiện.

Đến thế kỷ VII, Vương quốc Langkasuka phát triển hưng thịnh như một quốc gia chịu ảnh hưởng sâu sắc của Phật giáo. Tại đây, các cộng đồng tăng sĩ thực hành **Phật giáo Đại thừa** song song với tín ngưỡng vật linh bản địa (animism). Bên cạnh đó, nhiều vương triều khác trong khu vực cũng bảo trợ đồng thời cho Phật giáo Đại thừa và Ấn Độ giáo.

Từ thế kỷ IX đến XIII, Vương triều Chola ở miền Nam Ấn Độ đã tiến hành các cuộc viễn chinh hải quân quy mô lớn nhằm vào Đế quốc Srivijaya (khoảng năm 671-1025), thế lực thống trị khu vực khi ấy. Hai cuộc tấn công lớn vào các năm 1025 và 1068 đã gây tổn thất nặng nề cho Srivijaya. Trước đó, Phật giáo vốn đã suy yếu do ảnh hưởng ngày càng mạnh của Ấn Độ giáo phái Shiva (Shaivism). Đến thế kỷ XV, sự trỗi dậy của Vương triều Hồi giáo Malacca (Malacca Sultanate) đã đẩy Phật giáo ra khỏi vị trí trung tâm trong đời sống xã hội, khi các vương triều và cư dân người Mã Lai dần tiếp nhận Hồi giáo.

Điều khá thú vị là, dưới thời kỳ thuộc địa Anh vào thế kỷ XIX và XX, làn sóng di cư quy mô lớn của cộng đồng người Hoa đã góp phần khôi phục sự hiện diện của Phật giáo tại các đô thị Malaysia. Ngày nay, khoảng 18,7% dân số Malaysia tự nhận là Phật tử; trong đó, phần lớn là người Malaysia gốc Hoa. Các cộng đồng Phật giáo tập trung chủ yếu tại Penang, Selangor, Kuala Lumpur, Johor và Perak.

Ông Lim Kooi Fong, nhà phát triển NORBU Buddhist AI (trí tuệ nhân tạo Phật giáo NORBU) chia sẻ với Buddhistdoor Global (BDG) rằng, đối với người ngoài, Phật giáo Malaysia dường như đang ở trong một giai đoạn phát triển mạnh mẽ. Điều này thể hiện qua mạng lưới các Trường Phật học Chủ nhật (Sunday Dhamma Schools) hiện diện rộng khắp cả nước cùng sự phát triển của nhiều tổ chức thanh thiếu niên phật tử. Tuy nhiên, theo ông Lim, thực tế quá trình phát triển của Phật giáo Malaysia lại mang tính phân tán, thiếu sự phối hợp và chiến lược dài hạn, đặc biệt nếu so sánh với cách tiếp cận có định hướng của các tổ chức Phật giáo tại Indonesia.

Một ví dụ điển hình là sau khi Indonesia giành độc lập, Phật giáo tại quốc gia này đã chủ động thích ứng với yêu cầu của chính phủ về việc các tôn giáo phải tuyên xưng niềm tin vào một Đấng Tối cao. Từ đó hình thành quan niệm "Phật giáo Pancasila" (Pancasila Buddhism) cùng lý tưởng Ekayana (Nhất thừa - One Vehicle), tạo nên nền tảng chung để các cộng đồng Phật giáo đoàn kết với nhau, đồng thời giới thiệu với xã hội rằng đây là một hình thái Phật giáo mang đậm bản sắc Indonesia. Có phần nghịch lý, nhưng chính sự thích ứng này đã góp phần củng cố vị thế của Phật giáo trong đời sống quốc gia.

Ngược lại, các tổ chức Phật giáo Malaysia trong nhiều năm phải đối diện với sự thờ ơ và thiếu quan tâm từ phía chính quyền. Trong một số trường hợp, sự thờ ơ ấy thậm chí còn gây nhiều khó khăn hơn cả sự nghi ngại hay can thiệp trực tiếp. Theo ông Lim, chính phủ Malaysia trong bối cảnh người Hồi giáo chiếm đa số hầu như không xây dựng một chiến lược tôn giáo rõ ràng ngoài mục tiêu duy trì sự ủng hộ của cử tri người Mã Lai tại 13 bang và ba vùng lãnh thổ liên bang.

Khác với Indonesia, chính phủ Malaysia ít quan tâm đến việc hợp tác với các tổ chức Phật giáo vì không nhìn thấy giá trị chiến lược hay ý nghĩa tư tưởng từ mối quan hệ này.



Dharma Realm Guan Yin Monastery in Kuala Lumpur, a branch of Dharma Realm Buddhist Association. From cttbusa.org

Ông Lim thậm chí cho rằng, đến năm 2026, có thể nói "thời kỳ hoàng kim" của Phật giáo Malaysia đã khép lại. Giai đoạn hưng thịnh này bắt đầu từ thập niên 1970 và kéo dài đến đầu những năm 1990, được tạo đà từ sự ra đời của Liên đoàn Thanh niên Phật giáo Liên bang Malaya (Federation of Malaya Buddhist Youth Fellowship - FMBYF) vào ngày 24/12/1958 do Hòa thượng Sumangalo (1903-1963) sáng lập.

Hòa thượng Sumangalo (tên khai sinh Robert Clifton) là một vị tăng người Mỹ, có công khơi dậy sự tham gia của giới trẻ vào phong trào chấn hưng Phật giáo sau khi Malaysia giành độc lập. Hiện nay, nhà lưu niệm của ngài tọa lạc tại Georgetown, bang Penang.

Đại tá Henry Steel Olcott (1832-1907), một nhân vật người Mỹ đi trước và có thể xem là người mở đường cho công cuộc truyền bá Phật giáo hiện đại. Hòa thượng Sumangalo cho rằng cần xây dựng một bản sắc Phật giáo tự tin và vững mạnh để đáp lại những thách thức từ phong trào truyền giáo Kitô giáo.

Sự phát triển ấy còn gắn liền với một nhân vật quan trọng khác là Hòa thượng K. Sri Dhammananda (1919-2006), vị tăng đến từ Sri Lanka. Không chỉ có sức thu hút trong hoằng pháp với phong cách giảng dạy gần gũi, sinh động, ngài còn trước tác và xuất bản rất nhiều tác phẩm nhằm phổ biến giáo lý đến đông đảo công chúng.

Hoạt động xuất bản Phật giáo bị ảnh hưởng đáng kể sau chỉ thị năm 1986 của Bộ Nội vụ Malaysia cùng các quy định ở cấp bang, yêu cầu các ấn phẩm của các tôn giáo ngoài Hồi giáo phải ghi rõ dòng chú thích: "Dành cho người không theo

Hồi giáo" (For Non-Muslims) hoặc "Không dành cho người Hồi giáo" (Not for Muslims).

Một nhân vật khác góp phần định hình cách tiếp cận mang bản sắc "Phật giáo Malaysia" là cư sĩ Piya Tan (trước đây là Thượng tọa Piyasilo), hiện sinh sống tại Singapore. Trong thời gian còn xuất gia, ông là một trong những người đồng sáng lập Hội Thanh niên Phật giáo Malaysia (Young Buddhist Association of Malaysia - YBAM) vào năm 1970. Khối lượng trước tác đồ sộ của ông đã góp phần tạo nên nền tảng tư tưởng cho Phật giáo Malaysia đương đại. YBAM luôn xem Hòa thượng Sumangalo là vị khai sáng tinh thần của mình. Đến nay, mạng lưới các tổ chức thanh niên Phật giáo, trong đó có Buddhist Gem Fellowship (BGF), vẫn được xem là một trong những thế mạnh nổi bật và bền vững của Phật giáo Malaysia.



Kuala Lumpur. Hình ảnh lịch sự của BDG

Tuy nhiên, từ thập niên 1990, đà phục hưng này dần chững lại khi các xu hướng tư tưởng mới khiến việc tu tập mang tính cá nhân ngày càng được đề cao hơn so với việc xây dựng cộng đồng. Dù Phật giáo tại Malaysia sau độc lập đạt được nhiều thành tựu, nền tảng ấy vẫn khá mong manh.

Sự phát triển kinh tế mạnh mẽ trong thập niên 1980 và 1990 kéo theo xu hướng cá nhân hóa, đặc biệt trong giới trẻ, làm thay đổi cách nhìn đối với các truyền thống Phật giáo. Chẳng hạn, truyền thống Thiền Minh sát (Vipassanā) theo dòng Sayadaw, vốn nhấn mạnh thiền định và chánh niệm, ngày càng được ưa chuộng và đôi khi được xem là 'chính thống' hơn so với các truyền thống Phật giáo Hoa tông mang tính cộng đồng và dung hợp nhiều yếu tố văn hóa.

Sau cùng, kỳ vọng xây dựng một bản sắc thực sự mang tên "Phật giáo Malaysia" đang dần suy giảm trước sự hiện diện ngày càng mạnh mẽ của các tổ chức Phật giáo quốc tế như Fo Guang Shan (Phật Quang Sơn) và Tzu Chi (Từ Tế). Nhiều người Malaysia cũng như cộng đồng quốc tế cho rằng các tổ chức này sở hữu uy tín quốc tế, nguồn lực tài chính dồi dào cùng mạng lưới hoạt động toàn cầu mà các tổ chức Phật giáo bản địa khó có thể sánh kịp.

Bên cạnh đó, cũng không thể bỏ qua sự phát triển mạnh mẽ của Phật giáo Kim Cương thừa (Vajrayāna). Theo nhiều quan sát, quy mô hoạt động của các tổ chức Kim Cương thừa hiện đã vượt qua không ít tổ chức Phật giáo lâu đời tại Malaysia. Nhiều truyền thống Vajrayāna đã thành lập chi nhánh tại Malaysia và kết nối chặt chẽ với các mạng lưới Phật giáo quốc tế trong khu vực Himalaya. Uy tín, sức ảnh hưởng và khả năng thu hút của các vị đạo sư Kim Cương thừa cũng vượt trội so với phần lớn các nhà lãnh đạo Phật giáo bản địa.

Nhìn tổng thể, nhiều phật tử Malaysia cho rằng đã đến lúc cần một sự đổi mới về tư tưởng để tạo động lực phát triển mới cho cộng đồng. Trong bối cảnh chưa xuất hiện một nhân vật có tầm ảnh hưởng như Hòa thượng K. Sri Dhammananda để quy tụ và định hướng, khái niệm "Phật giáo Malaysia" ngày càng trở nên khó xác định, mặc dù các hoạt động Phật sự trong nước vẫn diễn ra rất sôi nổi.

Các tin tức nổi bật về Phật giáo Malaysia hiện nay chủ yếu xoay quanh những bước tiến tích cực của Ni giới trong nhiều hệ phái, hoặc ngược lại là những tranh luận, thậm chí các vụ việc gây tranh cãi trong một số cộng đồng Phật giáo; trong đó có những trường hợp liên quan đến các cáo buộc lạm dụng hoặc hành vi sai phạm. Nói cách khác, cộng đồng Phật giáo Malaysia vẫn tràn đầy sinh lực, nhưng lại thiếu một định hướng chung. Muốn mở ra một giai đoạn phát triển mới, cần vượt qua những đối lập và tranh luận đã kéo dài trong quá khứ để dành chỗ cho các ưu tiên mới, phù hợp với bối cảnh đương đại.

Theo: **Buddhistdoor Global**/Chuyển ngữ và biên tập: **Thường Nguyên**

Nguồn: https://www.buddhistdoor.net/features/buddhistdoor-view-the-grandeur-of-diversity-surveying-buddhism-in-malaysia/